

NỘI DUNG CHI TIẾT

Sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần An Bình năm 2021

| Khoản, Điều của Điều lệ hiện hành | Nội dung điều lệ hiện hành | Nội dung sửa đổi bổ sung (Gồm: Các điều của Luật Doanh nghiệp năm 2014 so với Luật Doanh nghiệp năm 2020; nội dung sẽ sửa đổi, bổ sung vào Điều lệ của Công ty) | Ý kiến Cổ đông |
|--|---|---|-------------------|
| Trang 1 | Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước CHXHCNVN số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015 | Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước CHXHCNVN số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 | |
| Trang 1 | Chúng tôi, những cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2015 nhất trí... | Chúng tôi, những cổ đông theo danh sách cổ đông được ghi nhận vào ngày /4/2021 nhất trí... - Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021, thay thế cho Điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua | |
| Điểm 1.2 Khoản 1 Điều 1 | Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 | Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 | |
| Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 1 | Vốn điều lệ là số vốn do các cổ đông góp hoặc cam kết góp vốn trong một thời hạn nhất định và được ghi vào ĐL Công ty | Vốn điều lệ của công ty là tổng mệnh giá các cổ phần các loại đã bán và được ghi vào Điều lệ Công ty | |
| Điểm 1.13 Khoản 1 Điều 1 | Người có liên quan là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật DN | Người có liên quan là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật DN 2020 | |
| Khoản 3 và 4 Điều 10 | - Vốn Điều lệ tại thời điểm ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua Điều lệ này... - Vốn điều lệ được xác định là 25.000.000.000 đồng | - Vốn Điều lệ tại thời điểm ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 thông qua Điều lệ này... - Vốn điều lệ được xác định là 26.250.000.000 đồng | |
| Khoản 1 Điều 12 | Vốn Điều lệ tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 chia thành 2.500.000 cp | Vốn ĐL tại thời điểm lấy ý kiến biểu quyết của CĐ bằng văn bản v/v chỉnh sửa Điều lệ để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 được chia thành 2.625.000 cp | |
| Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 13 | Điểm 1.3, khoản 1, Điều 13: Chào bán cổ phần. (Khoản 3 Điều 125 Luật DN) | Điểm 1.3, khoản 1, Điều 13: Chào bán cổ phần. (Khoản 3 Điều 126 Luật DN 2020) | |
| Khoản 3 Điều 13 | Khoản 3, Điều 13: Chào bán cổ phần. (Khoản 4 Điều 121 LND) | Khoản 3, Điều 13: Chào bán cổ phần. (Khoản 4 Điều 124 LDN 2020) | |

| | | | |
|---|---|---|--|
| Khoản 4 Điều 13 | Khoản 4, Điều 13: Chào bán cổ phần. (Khoản 2 Điều 121 LDN) | Khoản 4, Điều 13: Chào bán cổ phần. <i>(Khoản 2, Điều 122 LDN 2020)</i> | |
| Bỏ khoản 2, điều 16, thay bằng khoản 2 điều 132 luật DN 2020 | Điều 16: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 2. Công ty và cổ đông có thể thỏa thuận về giá mua lại cổ phần nhưng không thấp hơn giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng (Khoản 2, Điều 129 Luật Doanh nghiệp). | Điều 16: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông 2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng <i>(Khoản 2, Điều 132 Luật DN 2020)</i> | |
| Khoản 1 Điều 17 | Điều 17: Mua cổ phần theo quyết định của công ty (Điều 130 của Luật Doanh nghiệp) | Điều 17: Mua cổ phần theo quyết định của công ty <i>(Điều 133 của Luật DN 2020)</i> | |
| Bổ sung Điều 18 | Điều 18: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 131 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan. | Điều 18: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại, thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 134 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan <i>(Điều 134 và Điều 136 LDN 2020)</i> | |
| Điểm 2.4 khoản 2 điều 21 | Điểm 2.4, Khoản 2, Điều 21: Sổ cổ đông 2.4. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức (Điểm d, khoản 2, điều 121 LDN 2014) | Điểm 2.4, Khoản 2, Điều 21: Sổ cổ đông 2.4. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức , địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; <i>(Điểm d, khoản 2, điều 122 LDN 2020)</i> | |
| Bổ sung khoản 5, Điều 21 | Điều 21: Sổ đăng ký cổ đông | Điều 21: Sổ đăng ký cổ đông 5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty <i>(Khoản 5, Điều 122 LDN 2020)</i> | |

| | | | |
|-------------------------------|--|---|--|
| Điểm 3.2, khoản 3, Điều 23 | Điểm 3.2, khoản 3, Điều 23: Những quy định chung về cổ đông (Khoản 2, Điều 119) | Điểm 3.2, khoản 3, Điều 23: Những quy định chung về cổ đông <i>(Khoản 2, Điều 120 LDN 2020)</i> | |
| Điểm 4.3, khoản 4, điều 23 | Điểm 4.3 Khoản 4, Điều 23: Những quy định chung về cổ đông (Điểm b Khoản 2 và Khoản 3 Điều 15 Luật Doanh nghiệp) | Điểm 4.3, Khoản 4, Điều 23: Những quy định chung về cổ đông <i>(Điểm b Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp 2020)</i> | |
| Khoản 2 điều 24 | Điều 24: Quyền của cổ đông: 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng ngoài các quyền quy định trong khoản 1 Điều này có các quyền sau đây: (Khoản 2, Điều 114 LDN) | Điều 24: Quyền của cổ đông: 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây: <i>(Khoản 2, Điều 115 LDN 2020)</i> | |
| Sửa đổi Khoản 1 Điều 25 | Điều 25. Nghĩa vụ của cổ đông 1. ... Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm (Khoản 1, Điều 25 LDN) | Điều 25. Nghĩa vụ của cổ đông 1. ... Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm... <i>(Khoản 2, Điều 119 LDN 2020)</i> | |
| Điểm 2.4, Khoản 2, Điều 27 | Điểm 2.4, Khoản 2, Điều 27: Đại hội đồng cổ đông (Điểm d, khoản 2, điều 135) | Điểm 2.4, Khoản 2, Điều 27: Đại hội đồng cổ đông <i>(Điểm d, khoản 2, điều 138 LDN 2020)</i> | |
| Sửa, bổ sung khoản 2, điều 28 | Điều 28: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. 2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính | Điều 28: Cuộc họp và thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. 2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính <i>(Khoản 2, Điều 139 Luật Doanh Nghiệp 2020)</i> | |

| | | | |
|---|---|--|--|
| <p>Khoản 1, 2,3 điều 32</p> | <p>Khoản 1,2,3 Điều 32. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>(Khoản 1,2,3 Điều 137 Luật Doanh nghiệp)</p> | <p>Khoản 1,2,3 Điều 32. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>(Khoản 1,2,3 Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020).</p> | |
| <p>Khoản 1,2,4 Điều 34</p> | <p>Điều 34: Mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định dài hơn...</p> <p>(Khoản 1, 2,4, điều 139)</p> | <p>Điều 34: Mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc...</p> <p>(Khoản 1, 2,4, điều 143 LDN 2020)</p> | |
| <p>Khoản 2, Điều 35</p> | <p>Khoản 2,4 Điều 35: Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông</p> <p>(Khoản 2,4 Điều 138 Luật DN)</p> | <p>Khoản 2,4, Điều 35: Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông</p> <p>(Khoản 2, Điều 142 LDN 2020)</p> | |
| <p>Sửa đổi bổ sung khoản 3, Điều 35</p> | <p>Điều 35: Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây</p> | <p>Điều 35: Chương trình và nội dung Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>(Khoản 3, Điều 142 LDN 2020)</p> | |
| <p>Khoản 1,2,3 Điều 36</p> | <p>Khoản 1, Khoản 2, Điều 36: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;</p> <p>(Khoản 1,2,3 Điều 141)</p> | <p>Khoản 1, Khoản 2, Điều 36: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;</p> <p>(Khoản 1,2,3, Điều 145 LDN 2020)</p> | |

| | | | |
|---|--|---|--|
| <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 5 điều 37</p> | <p>Điều 37: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp (Khoản 5, Điều 142 LDN)</p> | <p>Điều 37: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp (Khoản 5, Điều 146 Luật DN 2020)</p> | |
| <p>Sửa đổi, bổ sung khoản 6 điều 37</p> | <p>Điều 37: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>6. ... Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không thay đổi;</p> | <p>Điều 37: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>6. ... Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi (khoản 6, Điều 146 LDN 2020)</p> | |
| <p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 37</p> | <p>Điều 37: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>7. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền (Khoản 7, Điều 142 LDN)</p> | <p>Điều 37: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây: (khoản 6, Điều 146 LDN 2020)</p> | |
| <p>Sửa đổi, bổ sung Khoản 8 Điều 37</p> | <p>Điều 37: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>8.1. ...</p> <p>8.2. Có người dự họp có hành vi cản trở...</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p> <p>(Khoản 8, Điều 142 LDN)</p> | <p>Điều 37: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>8.1. ...</p> <p>8.2. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>8.3. Có người dự họp có hành vi cản trở (Khoản 8, Điều 146 LDN 2020)</p> | |
| <p>Điểm 2.5; Khoản 2 Điều 38</p> | <p>Điều 38: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty (Điểm d, Khoản 1, Điều 148 LDN)</p> | <p>Điều 38: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.5. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty (Điểm d, khoản 1, Điều 148 LDN 2020)</p> | |

| | | | |
|---|--|--|--|
| <p>Khoản 4, 5, 6,7,8, Điều 38</p> | <p>Điều 38: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% trên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành...</p> <p>7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành</p> <p>(Khoản 2,3,4,5, Điều 144 Luật Doanh nghiệp).</p> | <p>Điều 38: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành...</p> <p>7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành</p> <p>(Khoản 2,3,4,5, Điều 148 LDN 2020)</p> | |
| <p>Bổ sung khoản 9, Điều 38</p> | <p>Điều 38: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> | <p>Điều 38: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>9. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>(Khoản 6, Điều 148 LDN 2020)</p> | |
| <p>Bổ sung điểm 1.9, Khoản 1, Điều 40</p> | <p>Điểm 1.9, khoản 1, Điều 40: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.9. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> | <p>Điểm 1.9, khoản 1, Điều 40: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp</p> <p>(Điểm i, Khoản 1, Điều 150 LDN 2020)</p> | |

| | | | |
|----------------------------------|--|---|--|
| Bổ sung Điều 41 | Điều 41: Yêu cầu hủy bỏ quyết định Đại hội đồng cổ đông | Điều 41: Yêu cầu hủy bỏ quyết định Đại hội đồng cổ đông Trong trường hợp này, nghị quyết ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền (Khoản 3, Điều 152 LDN 2020) | |
| Điểm 1.5, khoản 1 Điều 43 | Điều 43. Quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT 1.5. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai tháng. Trường hợp khác do ĐHĐCĐ quyết định | Điều 43. Quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT 1.5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 17 của Điều lệ này (Điểm d, khoản 2, Điều 153 LDN 2020) | |
| Bổ sung điểm 2.1 khoản 2 Điều 44 | Điều 44. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT 2. Điều kiện ứng cử, đề cử: | Điều 44. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT 2. Điều kiện ứng cử, đề cử: 2.1. Cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách ĐHĐCĐ có tổ chức bầu cử, thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì có quyền tự ứng cử vào HĐQT. | |
| Bổ sung Khoản 9, Điều 46 | Điều 46: Cuộc họp Hội đồng quản trị | Điều 46: Cuộc họp Hội đồng quản trị 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: 9.1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; 9.2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; 9.3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; 9.4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử (Khoản 9, Điều 157 LDN 2020) | |
| Điểm 1.1, Khoản 1 Điều 52 | Điểm 1.1, khoản 1, Điều 52: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc ... theo quy định tại khoản 2 điều 18 của Luật Doanh nghiệp | Điểm 1.1, khoản 1, Điều 52: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc ... theo quy định tại khoản 2 điều 17 của Luật Doanh nghiệp (Khoản 1, Điều 164 LDN 2020) | |

| | | | |
|----------------------------|--|--|--|
| Khoản 2 và 3, Điều 56 | Khoản 2, 3, Điều 56: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận <i>Khoản 2,3, điều 162 Luật Doanh nghiệp</i> | Khoản 2, 3, Điều 56: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận <i>(Khoản 2, 4, điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020)</i> | |
| Khoản 4 Điều 58 | Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên 4. Trưởng Ban Kiểm soát phải có trình độ Đại học, am hiểu nghiệp vụ kinh doanh của Công ty. | Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên 4. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty <i>(Khoản 2, Điều 168 LDN 2020)</i> | |
| Điểm 1.1, khoản 1, Điều 60 | Điểm 1.1, khoản 1, Điều 60: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp. | Điểm 1.1, khoản 1, Điều 60: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp <i>(Điểm a, khoản 1, điều 174 LDN 2020)</i> | |
| Khoản 7 Điều 63 | Điều 63. Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức và trích lập các quỹ 7. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần... | Điều 63. Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức và trích lập các quỹ 7. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần <i>(Khoản 4, Điều 135 LDN 2020)</i> | |
| Bổ sung Khoản 9 Điều 63 | Điều 63. Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức và trích lập các quỹ | Điều 63. Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức và trích lập các quỹ 9. Thu hồi tiền trả cổ tức: Trường hợp việc trả cổ tức trái với quy định tại Điều này, cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại <i>(Điều 136 LDN 2020)</i> | |
| Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 66 | Điều 66. Giải thể 1.3. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 201 của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục. | Điều 66. Giải thể 1.3. Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định tại <i>điểm b, khoản 1 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp</i> <i>(Điểm c, khoản 1, Điều 207 LDN 2020)</i> | |

| | | | |
|--------------------------------------|---|--|--|
| Điểm 1.4 Khoản 1 Điều 66 | Điều 66. Giải thể 1.4. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. | Điều 66. Giải thể 1.4. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác (Điểm d, khoản 1, điều 207 LDN 2020) | |
| Khoản 2 Điều 66 | Điều 66. Giải thể 2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. | Điều 66. Giải thể 2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty (Khoản 2, Điều 207 LDN 2020) | |
| Sửa đổi Khoản 1 Điều 69 | Điều 69. Tranh chấp, tố tụng 1. Chủ tịch HĐQT là người đại diện công ty trước pháp luật và có thể ủy quyền lại cho Tổng giám đốc trong các giai đoạn tranh tụng. | Điều 69. Tranh chấp, tố tụng 1. Tổng Giám đốc là người đại diện công ty trước pháp luật và có thể ủy quyền lại cho người khác trong các giai đoạn tranh tụng. | |
| Khoản 1 Điều 70 | Điều 70. Con dấu của Công ty 1. Công ty có con dấu riêng được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty và được đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền và các tổ chức yêu cầu phải đăng ký con dấu... doanh nghiệp có thể có con dấu thứ hai. | Điều 70. Con dấu của Công ty 1. Công ty có con dấu riêng được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của công ty do HĐQT quyết định (Điều 43 LDN 2020) | |
| Bổ sung vào Khoản 2 Điều 71 | Điều 71. Thê thức sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Điều lệ 2. Chỉ có ĐHĐCĐ mới được thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung hoặc chỉnh sửa các điều khoản trong Điều lệ này. Khi cần thiết sửa đổi, bổ sung Điều lệ, HĐQT chuẩn bị dự thảo sửa đổi, bổ sung và trình ĐHĐCĐ quyết định. | Điều 71. Thê thức sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Điều lệ 2. Chỉ có ĐHĐCĐ mới được thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung hoặc chỉnh sửa các điều khoản trong Điều lệ này. Khi cần thiết sửa đổi, bổ sung Điều lệ, HĐQT chuẩn bị dự thảo sửa đổi, bổ sung và trình ĐHĐCĐ quyết định bằng biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên hoặc lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản khi cần thiết. | |
| Khoản 1 Điều 72 | Điều 72. Điều khoản thi hành 1. Điều lệ này gồm 08 Chương, 72 Điều, thông qua lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2005, được sửa đổi, bổ sung một số điều lần thứ 4 và biểu quyết chấp thuận toàn bộ tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, ngày 26 tháng 4 năm 2016. | Điều 72. Điều khoản thi hành 1. Điều lệ này gồm 08 Chương, 72 Điều, thông qua lần đầu ngày 26 tháng 6 năm 2005; được sửa đổi, bổ sung một số Điều lần thứ 5 và biểu quyết chấp thuận toàn bộ bằng văn bản tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, ngày ... tháng 04 năm 2021. | |